

53. XÃ TAM NÔNG

STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
1	Chợ Phú Hiệp	Đường loại 1		4.000
		Đường loại 2		2.800
		Đường loại 3		2.000
		Đường loại 4		1.600
2	Cụm dân cư Trung tâm Phú Đức	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
3	Cụm dân cư ấp Phú Xuân, Phú Đức	Đường loại 1		900
		Đường loại 2		800
		Đường loại 3		700
		Đường loại 4		600
4	Cụm dân cư Phú Hiệp (kể cả Cụm dân cư mở rộng)	Đường loại 1		3.200
		Đường loại 2		2.400
		Đường loại 3		1.800
		Đường loại 4		1.200
5	Tuyến dân cư ấp K12, Phú Hiệp	Toàn tuyến		1.000
6	Đường tỉnh 843	Ranh Tràm Chim	Ranh đất phía Nam Cụm dân cư Phú Hiệp	1.200
		Phía Nam Cụm dân cư Phú Hiệp	Bờ Nam cầu Phú Hiệp (đối với phía Đông Đường tỉnh 843)	3.000
		Bắc cầu Phú Hiệp	Ranh phía Bắc trụ sở UBND xã Tam Nông	1.700



STT	Tên Đường	Đoạn Đường		Giá đất ở
		Từ	Đến	
		Phía Bắc trụ sở UBND xã Tam Nông	Ranh Tân Hồng	1.200
7	Huyện lộ An Hòa - Hòa Bình	Ranh xã An Hòa (cầu ranh Phú Thành B - Phú Hiệp cũ)	Đường tỉnh 843	1.200
		Cụm dân cư Phú Xuân (phía Đông)	Cầu ranh xã Tràm Chim (cầu Lung Bông)	1.500
8	Huyện lộ An Hòa - Hòa Bình	Từ cầu Phú Hiệp (bờ Đông)	Cầu kênh K8 (bờ Tây)	1.800
		Từ cầu kênh K8 (Bờ Đông)	Cụm dân cư Phú Xuân (phía Tây)	1.500
9	Bờ Nam kênh An Bình	Đường tỉnh 843	Giáp ranh Vườn Quốc gia Tràm Chim	2.200
10	Bờ Tây kênh Phú Đức	Toàn tuyến		600

